TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-ST
Ngày 04-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn H.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị O.
2. Bà Nguyễn Thị L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị T – Kiểm sát viên.

Ngày 04-5-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số: 38/2022/TLST-HS ngày 15-4-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 20-4-2022 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Trịnh Ngọc L, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn L và bà Lê Thị X; Vợ là: Trần Hạnh N, sinh năm 1983 (đã ly hôn); Có 03 người con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Ngày 13-12-2005, bị Công an huyện K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản", bằng hình thức: Phạt tiền; Bị bắt tạm giữ ngày 05-01-2022 và tạm giam ngày 07-01-2022. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *(Có mặt)*

1.2. Nguyễn Danh V, sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Danh H và bà Nguyễn Thị K; Vợ là: Nông Thị Đ, sinh năm 1991; Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Ngày 06-5-2015, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", đã chấp hành xong bản án ngày 24-4-2018;

Bị bắt tạm giữ ngày 05-01-2022 và tạm giam ngày 07-01-2022. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *(Có mặt)*

2. Người liên quan: Chị Nông Thị Đ, sinh năm 1991; trú tại: thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh H. *(Vắng mặt)*

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; trú tại: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh H. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 05 giờ 05 phút ngày 05/01/2022, Trịnh Ngọc L, sinh năm: 1980 ở thôn T, xã P, huyện K, sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, lắp sim mang số thuê bao 0926936349 gọi cho Nguyễn Danh V, sinh năm: 1991 ở thôn H, thị trấn K, huyện K dùng điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, lắp sim mang số thuê bao 0977614591 để rủ V đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. V đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số: 89E1-713.25 đến nhà L. Tại đây, L đã đưa cho V số tiền 200.000 đồng rồi V điều khiển xe mô tô chở L đi đến xã T, huyện K để tìm mua ma túy. Khi đi đến đoạn đường bê tông thuộc xóm 6, thôn B, xã T, huyện K, L xuống xe đứng Đ ở ven đường còn V tiếp tục đi xe vào xóm 7, thôn B, xã T để tìm mua ma túy. Tại đây, V nhìn thấy có 01 người đàn ông lạ mặt giống người nghiện ma túy nên tiến lại hỏi: "Anh có ma túy loại Heroine bán không?". Người đàn ông này đồng ý bán, nhận của V số tiền 200.000 đồng mà trước đó L đã đưa cho để trả và nhận lại 01 gói giấy có dòng kẻ ô ly (loại giấy vở học sinh), bên trong có chứa chất bột kết tinh màu trắng. Biết bên trong có chứa ma túy nên V đã cất vào túi áo khoác màu đen phía trước bên trái đang mặc và quay lại đón L tại vị trí đứng Đ trước đó. V nói cho L biết đã mua được ma túy rồi và cùng nhau đi về. Đến khoảng 05 giờ 55 phút, khi V và L đang đi đến đoạn đường bê tông thuộc xóm 6, thôn B, xã T, huyện K thì bị Công an xã T phát hiện bắt quả tang, thu giữ niêm phong 01 gói giấy thu giữ trong túi áo khoác của V theo quy định (ký hiệu M1); đồng thời quản lý của V: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 89E1-713.25, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, lắp sim mang số thuê bao 0977.614.591; quản lý của L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, lắp sim mang số thuê bao 0926.936.349. Cùng ngày, Công an xã T đã chuyển hồ sơ vụ án cùng toàn bộ vật chứng, tài sản đã thu giữ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 05/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành kiểm tra lịch sử cuộc gọi đi, đến của 02 chiếc điện thoại di động nêu trên thể hiện cuộc gọi đi và nhận cuộc gọi đến giữa 02 số điện thoại di động ngày 05/01/2022 vào lúc 04 giờ 53 phút với thời lượng 01 phút 04 giây, lúc 05 giờ 08 phút với thời lượng 17 giây và 05 giờ 13 phút với thời lượng 10 giây.

Tại bản Kết luận giám định số 78/MT-PC09 ngày 08/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận: Mẫu chất màu trắng đục dạng cục và bột trong niêm phong ký hiệu M1, có khối lượng là: 0,223 gam, là ma túy, là loại: Heroine.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 89E1-713.25 đã thu giữ xác định là tài sản của chị Nông Thị Đ (vợ của V), chị Đ không biết V sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Đối với 02 điện thoại di động các loại đã thu giữ của L và V như nêu trên xác định là tài sản của các bị cáo, sử dụng để liên lạc, rủ nhau đi mua túy về cùng sử dụng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã nhập kho vật chứng đối với chiếc 02 chiếc điện thoại này và 0,217 gam Heroine hoàn lại sau giám định để chờ xử lý.

Quá trình điều tra, Trịnh Ngọc L và Nguyễn Danh V đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số: 41/CT-VKSKC ngày 14-4-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H truy tố các bị cáo Trịnh Ngọc L và Nguyễn Danh V đều về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ N quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên các bị cáo Trịnh Ngọc L và Nguyễn Danh V đều pHm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (đối với cả 02 bị cáo). Xử phạt Trịnh Ngọc L từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời Hạn tù tính từ ngày 05-01-2022; xử phạt Nguyễn Danh V từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05-01-2022. Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 0,217 gam Hêrôin còn hoàn lại sau giám định; Tịch thu cho phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VsMART; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có ý kiến tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhân tội của cả hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 56-58); biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu (bút lục 59); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (bút lục 60); kết luận giám định (bút lục 41-42); bản tự khai và lời khai của các bị cáo; lời khai của người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 05 giờ 55 phút ngày 05-01-2022, tại đoạn đường bê tông thuộc địa phận xóm 6, thôn B, xã T, huyện K, tỉnh H, Trịnh Ngọc L và Nguyễn Danh V đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,223 gam Hêrôin, mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Với hành vi nêu trên của Trịnh Ngọc L và Nguyễn Danh V đã pHm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố cả hai bị cáo theo tội danh và điều luật trong Cáo trạng số 41/CT-VKSKC ngày 14-4-2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi pHm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, cả hai bị cáo đều hiểu được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, hiểu được tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm nhức nhối của toàn xã hội nhưng các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu mức án tương xướng với hành vi phạm tội của mình.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu thể hiện, các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, bị cáo L đã bị xử lý hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản và bị cáo V đã bị kết án về tội Cướp tài sản nhưng cả hai bị cáo đều không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi pHm tội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù, ngày 06-5-2015, bị cáo Nguyễn Danh V đã bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", đã chấp hành xong bản án ngày 24-4-2018, đến nay đương nhiên được xóa án tích theo điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn; bị cáo L là người khởi xướng, đưa tiền cho bị cáo V; bị cáo V là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo là đồng phạm và giữ vai trò ngang nhau trong vụ án.

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã phân tích ở trên thấy cần thiết phạt cho cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, lao động tự do, không có thu nhập ổn định, kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, vật chứng được xử lý như sau:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 89E1-713.25, đã thu giữ trong vụ án, ngày 08-01-2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chị Đ nên không đặt ra giải quyết.

- Cơ quan công an đã thu giữ của Trịnh Ngọc L và Nguyễn Danh V 0,223 gam Hêrôin, sau khi gửi đi giám định trọng lượng còn hoàn lại: 0,217 gam Hêrôin là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, gắn thẻ sim Viettel 4G đã thu giữ của Trịnh Ngọc L và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

Vsmart màu đen, gắn thẻ sim Viettel 4G đã thu giữ của Nguyễn Danh V là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, phát mại sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với cả hai bị cáo).

Tuyên bố: Trịnh Ngọc L và Nguyễn Danh V đều phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy";*

Xử phạt: Trịnh Ngọc L 01 *(một)* năm 09 *(chín)* tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 05-01-2022.

Xử phạt: Nguyễn Danh V 01 *(một)* năm 09 *(chín)* tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 05-01-2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,217 gam Hêrôin còn hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu cho phát mại để sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, gắn thẻ sim Viettel 4G và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, gắn thẻ sim Viettel 4G.

(Tình trạng, số lượng, chủng loại, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29-4-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Trịnh Ngọc L và Nguyễn Danh V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm (ngày 04-5-2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *(vắng mặt)* biết có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn H

Nơi nhận:
- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát, Công an huyện K;
- Trại tạm giam CA tỉnh H;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; Người liên quan;
- UBND các xã: P, thị trấn K;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng Tòa án.